

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
GIỮA NIÊN ĐỘ**

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

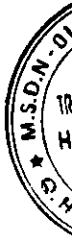
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
(đã được soát xét)

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

| | Trang |
|---|--------------|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 02-03 |
| Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ | 04 |
| Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét | 05-39 |
| Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ | 05-06 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ | 07 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ | 08-09 |
| Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ | 10-39 |



CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Simco Sông Đà (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Simco Sông Đà tiền thân là Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà, được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà thuộc Tổng Công ty Sông Đà theo quyết định số 627/QĐ-BXD ngày 09/05/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101401706 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21 tháng 07 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ mười sáu ngày 26 tháng 05 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | | |
|-------------------------|------------|--------------------------|
| Ông Nguyễn Sĩ Hiến | Chủ tịch | |
| Ông Nguyễn Thiện Mỹ | Thành viên | |
| Ông Nguyễn Ngọc Quyền | Thành viên | |
| Ông Đỗ Hoàng Hải | Thành viên | |
| Bà Nguyễn Thị Hồng Ngọc | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 12/04/2016 |
| Ông Nguyễn Khắc Kim | Thành viên | Từ nhiệm ngày 12/04/2016 |

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | | |
|------------------------|-------------------|----------------------------|
| Ông Nguyễn Ngọc Quyền | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 12/04/2016 |
| Ông Nguyễn Khắc Kim | Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 12/04/2016 |
| Bà Nguyễn Thị Minh Thu | Phó Tổng Giám đốc | |
| Ông Nguyễn Ngọc Thạch | Phó Tổng Giám đốc | |
| Ông Nguyễn Trọng Đạt | Phó Tổng Giám đốc | |
| Ông Nguyễn Thiện Mỹ | Phó Tổng Giám đốc | |

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

| | | |
|------------------------|------------|----------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Hương | Trưởng ban | |
| Ông Vũ Tuyên Hoàng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 14/04/2016 |
| Bà Nguyễn Thị Thu Hoài | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 14/04/2016 |
| Bà Vũ Thị Hương Quỳnh | Thành viên | |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

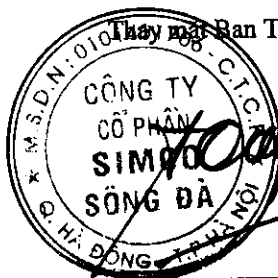

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Quyền
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2016



Số: 1754/2016/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Simco Sông Đà

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà được lập ngày 01 tháng 08 năm 2016, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2016

T: (84) 4 3824 1990 | F: (84) 4 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam A member of HLB International

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | 30/06/2016 | 01/01/2016 |
|------------|---|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 59.789.647.920 | 277.732.150.213 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 3 | 3.714.515.533 | 122.024.638.757 |
| 111 | 1. Tiền | | 2.714.515.533 | 2.024.638.757 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | 1.000.000.000 | 120.000.000.000 |
| 120 | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 4 | 3.140.000.000 | 17.300.860.000 |
| 121 | 1. Chứng khoán kinh doanh | | 4.200.000.000 | 18.939.370.000 |
| 122 | 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | | (1.410.000.000) | (1.638.510.000) |
| 123 | 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | | 350.000.000 | - |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 41.316.515.964 | 132.206.066.456 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 5 | 3.023.013.736 | 90.903.724.030 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 6 | 8.251.513.545 | 6.689.836.294 |
| 135 | 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 7 | 18.902.303.196 | 19.850.136.196 |
| 136 | 4. Phải thu ngắn hạn khác | 8 | 19.092.018.470 | 17.988.372.723 |
| 137 | 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | | (7.952.332.983) | (3.226.002.787) |
| 140 | IV. Hàng tồn kho | 10 | 10.838.317.190 | 5.831.386.378 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 10.838.317.190 | 5.831.386.378 |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | | 780.299.233 | 369.198.622 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 14 | 68.239.843 | 211.855.835 |
| 152 | 2. Thuế GTGT được khấu trừ | | 712.059.390 | 157.342.787 |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 370.164.407.866 | 241.275.189.776 |
| 210 | I. Các khoản phải thu dài hạn | | 2.344.222.000 | 2.632.098.790 |
| 216 | 1. Phải thu dài hạn khác | 8 | 2.344.222.000 | 2.632.098.790 |
| 220 | II. Tài sản cố định | | 42.597.040.175 | 42.514.697.818 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 12 | 42.597.040.175 | 42.514.697.818 |
| 222 | - Nguyên giá | | 60.195.354.155 | 61.006.581.748 |
| 223 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (17.598.313.980) | (18.491.883.930) |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | 13 | - | - |
| 228 | - Nguyên giá | | 244.160.000 | 244.160.000 |
| 229 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (244.160.000) | (244.160.000) |
| 240 | IV. Tài sản dở dang dài hạn | 11 | 78.211.133.092 | 78.211.133.092 |
| 241 | 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | | 75.902.112.441 | 75.902.112.441 |
| 242 | 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | | 2.309.020.651 | 2.309.020.651 |
| 250 | V. Đầu tư tài chính dài hạn | 4 | 246.773.201.757 | 117.739.400.722 |
| 251 | 1. Đầu tư vào công ty con | | 218.989.400.722 | 90.989.400.722 |
| 252 | 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | | 43.040.000.000 | 42.870.000.000 |
| 253 | 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | 8.095.170.000 | 7.000.000.000 |
| 254 | 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | | (23.351.368.965) | (23.120.000.000) |
| 260 | VI. Tài sản dài hạn khác | | 238.810.842 | 177.859.354 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | 14 | 238.810.842 | 177.859.354 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 429.954.055.786 | 519.007.339.989 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

(tiếp theo)

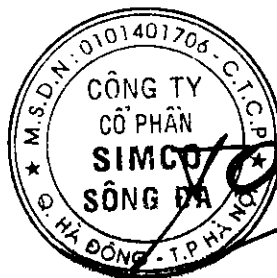
| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | 30/06/2016 | 01/01/2016 |
|------------|---|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 112.520.063.579 | 240.545.093.286 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 54.699.071.210 | 182.479.431.622 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 15 | 7.014.628.297 | 5.451.501.668 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 16 | 1.273.551.086 | 1.273.551.086 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 17 | 10.082.528.680 | 2.738.910.172 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | | 1.553.009.501 | 2.103.329.662 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 18 | 329.561.258 | 1.459.059.399 |
| 318 | 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 19 | 114.273.816 | 229.640.394 |
| 319 | 7. Phải trả ngắn hạn khác | 20 | 28.687.334.300 | 37.562.962.669 |
| 320 | 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 21 | 5.643.577.700 | 131.658.870.000 |
| 322 | 9. Quỹ khen thưởng phúc lợi | | 606.572 | 1.606.572 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 57.820.992.369 | 58.065.661.664 |
| 337 | 1. Phải trả dài hạn khác | 20 | 55.917.768.769 | 56.094.285.464 |
| 338 | 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 21 | 1.903.223.600 | 1.971.376.200 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 317.433.992.207 | 278.462.246.703 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 22 | 317.433.992.207 | 278.462.246.703 |
| 411 | 1. Vốn góp của chủ sở hữu | | 262.061.580.000 | 262.061.580.000 |
| 411a | Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 262.061.580.000 | 262.061.580.000 |
| 415 | 2. Cổ phiếu quỹ | | (1.682.000) | (1.682.000) |
| 418 | 3. Quỹ đầu tư phát triển | | 1.231.903.807 | 1.231.903.807 |
| 421 | 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 54.142.190.400 | 15.170.444.896 |
| 421a | LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | | 15.170.444.896 | 3.365.710.725 |
| 421b | LNST chưa phân phối kỳ này | | 38.971.745.504 | 11.804.734.171 |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 429.954.055.786 | 519.007.339.989 |

am
Phạm Thị Đà Giang
Người lập

Thieu
Phạm Thị Hiếu
Kế toán trưởng

Nguyen
Nguyễn Ngọc Quyền
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ


Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

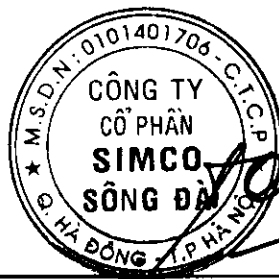
| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | 6 tháng đầu năm | 6 tháng đầu năm |
|-------|--|-------------|-----------------------|----------------------|
| | | | 2016 | 2015 |
| | | | VND | VND |
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 24 | 16.780.077.390 | 36.197.173.900 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 25 | 321.068.200 | 288.523.700 |
| 10 | 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 16.459.009.190 | 35.908.650.200 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán | 26 | 8.263.277.104 | 19.683.870.253 |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 8.195.732.086 | 16.224.779.947 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 27 | 51.728.549.330 | 1.706.007.248 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | 28 | 2.836.344.872 | 4.425.991.974 |
| 23 | Trong đó: Chi phí lãi vay | | 2.380.980.895 | 1.444.474.915 |
| 25 | 8. Chi phí bán hàng | | - | - |
| 26 | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 29 | 10.520.304.995 | 6.032.677.145 |
| 30 | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 46.567.631.549 | 7.472.118.076 |
| 31 | 11. Thu nhập khác | 30 | 2.231.506.363 | 58.018.590 |
| 32 | 12. Chi phí khác | 31 | 67.564.827 | 407.866.598 |
| 40 | 13. Lợi nhuận khác | | 2.163.941.536 | (349.848.008) |
| 50 | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 48.731.573.085 | 7.122.270.068 |
| 51 | 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 32 | 9.759.827.581 | 1.247.886.915 |
| 60 | 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | <u>38.971.745.504</u> | <u>5.874.383.153</u> |


Phạm Thị Đà Giang
Người lập


Phạm Thị Hiếu
Kế toán trưởng


Nguyễn Ngọc Quyền
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | 6 tháng đầu năm | 6 tháng đầu năm |
|---|--|-------------|-------------------|------------------|
| | | | 2016 | 2015 |
| | | | VND | VND |
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 01 | 1. Lợi nhuận trước thuế | | 48.731.573.085 | 7.122.270.068 |
| | 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| 02 | - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | | 974.981.279 | 997.868.064 |
| 03 | - Các khoản dự phòng | | 4.729.189.161 | 3.819.644.133 |
| 04 | - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | | - | (44.411.536) |
| 05 | - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | | (50.285.279.957) | (1.357.771.405) |
| 06 | - Chi phí lãi vay | | 2.380.980.895 | 1.444.474.915 |
| 08 | 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | 6.531.444.463 | 11.982.074.239 |
| 09 | - Tăng, giảm các khoản phải thu | | 84.678.477.729 | (1.725.230.336) |
| 10 | - Tăng, giảm hàng tồn kho | | (5.006.930.812) | 7.190.195.379 |
| 11 | - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | | (9.165.796.378) | (10.972.246.802) |
| 12 | - Tăng, giảm chi phí trả trước | | 82.664.504 | 256.346.538 |
| 13 | - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | | 14.739.370.000 | - |
| 14 | - Tiền lãi vay đã trả | | (2.666.841.412) | (1.270.824.133) |
| 15 | - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | | (2.248.755.493) | (27.705.930) |
| 16 | - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | | - | 910.000.000 |
| 17 | - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | (1.000.000) | (393.354.309) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 86.942.632.601 | 5.949.254.646 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 21 | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | (1.057.323.636) | (3.583.004) |
| 22 | 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | 327.272.727 | - |
| 23 | 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | | (350.000.000) | (14.443.806.000) |
| 25 | 4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | (144.317.337.000) | (1.182.005.000) |
| 26 | 5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | 64.000.000.000 | 6.353.863.859 |
| 27 | 6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 2.228.076.984 | 1.261.320.173 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | (79.169.310.925) | (8.014.209.972) |

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

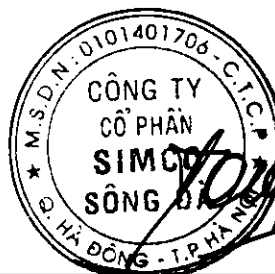
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | 6 tháng đầu năm | 6 tháng đầu năm |
|---|---|-------------|--------------------------|----------------------|
| | | | 2016 | 2015 |
| | | | VND | VND |
| III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 33 | 1. Tiền thu từ đi vay | | 2.916.146.900 | 21.620.472.300 |
| 34 | 2. Tiền trả nợ gốc vay | | (128.999.591.800) | (14.132.328.499) |
| 40 | <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | | <i>(126.083.444.900)</i> | <i>7.488.143.801</i> |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | | (118.310.123.224) | 5.423.188.475 |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu năm | | 122.024.638.757 | - |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | - | 44.411.536 |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 3 | <u>3.714.515.533</u> | <u>5.467.600.011</u> |

Phạm Thị Đà Giang
Người lậpPhạm Thị Hiếu
Kế toán trưởng
Nguyễn Ngọc Quyền
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2016

3011
CÔNG
CH NHIỆP
NG KIẾ
AAS
KIỂM

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Simco Sông Đà tiền thân là Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà, được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà thuộc Tổng Công ty Sông Đà theo quyết định số 627/QĐ-BXD ngày 09/05/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101401706 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21 tháng 07 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ mười sáu ngày 26 tháng 05 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 262.061.580.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 262.061.580.000 đồng; tương đương 26.206.158 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Kinh doanh bất động sản; Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp; Khai thác và chế biến khoáng sản; Xuất khẩu lao động; Đào tạo; Đầu tư tài chính vào các công ty con, công ty liên kết và một số hoạt động kinh doanh khác.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Đào tạo cao đẳng;
- Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp;
- Dạy nghề;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh các loại khoáng sản (trừ loại nhà nước cấm);
- Khai thác, chế biến, kinh doanh quặng kim loại;
- Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân (không bao gồm nhận ủy thác đầu tư liên quan đến hoạt động chứng khoán, nhận ủy thác đầu tư liên quan đến hoạt động của các tổ chức tín dụng, kinh doanh bảo hiểm);
- Đào tạo ngoại ngữ và giáo dục định hướng phục vụ xuất khẩu lao động;
- Xây dựng và kinh doanh các công trình cơ sở hạ tầng;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh: Vật tư, thiết bị công nghệ xây dựng, máy móc thiết bị, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Dịch vụ tư vấn du học;
- Hoạt động xuất khẩu lao động (theo quy định của pháp luật);
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản: Dịch vụ tư vấn bất động sản, Dịch vụ quảng cáo bất động sản, Dịch vụ quản lý bất động sản, Dịch vụ môi giới bất động sản, Dịch vụ định giá bất động sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Cấu trúc doanh nghiệp

| Công ty có các đơn vị trực thuộc sau: | Địa chỉ | Hoạt động kinh doanh chính |
|---|---------|---|
| Ban Quản lý dự án Hà Tĩnh | Hà Tĩnh | Quản lý dự án |
| Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Công nghệ Kinh tế SIMCO Sông Đà | Hà Nội | Đào tạo ngoại ngữ và giáo dục định hướng, dạy nghề |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Simco Sông Đà - Xi nghiệp Xây dựng Simco Sông Đà | Hà Nội | Xây dựng, kinh doanh nhà, hạ tầng, vật tư, máy móc, thiết bị |

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị trực thuộc.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc Khi nhận góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán .

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

| | | |
|-----------------------------------|---------|-----|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 - 35 | năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 10 | năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 08 | năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 | năm |
| - Tài sản cố định khác | 08 | năm |

2.11 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện, theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC căn cứ theo tỷ lệ vốn góp khi kết thúc dự án.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán .

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

2.19 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

2.23 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | <u>30/06/2016</u> | <u>01/01/2016</u> |
|---------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 573.809.314 | 533.599.418 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 2.140.706.219 | 1.491.039.339 |
| Các khoản tương đương tiền | 1.000.000.000 | 120.000.000.000 |
| | <u><u>3.714.515.533</u></u> | <u><u>122.024.638.757</u></u> |

Tại 30/06/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng được gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương - Chi nhánh Hà Tây với lãi suất 4,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

| | 30/06/2016 | | 01/01/2016 | |
|--------------------------|--------------------|--------------------|------------|----------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| Đầu tư ngắn hạn | 350.000.000 | 350.000.000 | - | - |
| - Tiền gửi có kỳ hạn (*) | 350.000.000 | 350.000.000 | - | - |
| | 350.000.000 | 350.000.000 | - | - |

(*) Bao gồm số dư của hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 01 năm tại ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây với lãi suất 6%/năm.

b) Chứng khoán kinh doanh

| | 30/06/2016 | | | 01/01/2016 | | |
|-------------------------|----------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND | Dự phòng VND |
| - Tổng giá trị cổ phiếu | 4.200.000.000 | 2.790.000.000 | (1.410.000.000) | 18.939.370.000 | 19.467.810.000 | (1.638.510.000) |
| <i>Cổ phiếu SCI</i> | 4.200.000.000 | 2.790.000.000 | (1.410.000.000) | 4.200.000.000 | 3.150.000.000 | (1.050.000.000) |
| <i>Cổ phiếu CJC</i> | - | - | - | 3.046.450.000 | 4.202.000.000 | - |
| <i>Cổ phiếu STG</i> | - | - | - | 3.465.000.000 | 2.994.750.000 | (470.250.000) |
| <i>Cổ phiếu MHC</i> | - | - | - | 2.141.820.000 | 2.023.560.000 | (118.260.000) |
| <i>Cổ phiếu GTN</i> | - | - | - | 6.086.100.000 | 7.097.500.000 | - |
| | 4.200.000.000 | 2.790.000.000 | (1.410.000.000) | 18.939.370.000 | 19.467.810.000 | (1.638.510.000) |

Ghi chú:

Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định căn cứ giá đóng cửa của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tại thời điểm 30/06/2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

| | 30/06/2016 | | 01/01/2016 | |
|---|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Đầu tư vào Công ty con | 218.989.400.722 | - | 90.989.400.722 | - |
| - Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar - SIMCO Sông Đà | 90.989.400.722 | - | 90.989.400.722 | - |
| - Công ty Cổ phần Hạ tầng Simco Sông Đà | 128.000.000.000 | - | - | - |
| Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết | 43.040.000.000 | (18.451.368.965) | 42.870.000.000 | (18.220.000.000) |
| - Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà | 2.900.000.000 | (231.368.965) | 2.900.000.000 | - |
| - Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển | 23.970.000.000 | (18.220.000.000) | 23.970.000.000 | (18.220.000.000) |
| <i>Vốn góp của Công ty</i> | <i>18.220.000.000</i> | <i>(18.220.000.000)</i> | <i>18.220.000.000</i> | <i>(18.220.000.000)</i> |
| <i>Nhận ủy thác của Cán bộ CNV</i> | <i>5.750.000.000</i> | - | <i>5.750.000.000</i> | - |
| - Công ty Cổ phần khoáng sản SIMCO - FANSIPAN (*) | - | - | 16.000.000.000 | - |
| - Công ty Cổ phần Hawinco Đầu tư xây dựng hạ tầng | 16.170.000.000 | - | - | - |
| Đầu tư vào đơn vị khác | 8.095.170.000 | (4.900.000.000) | 7.000.000.000 | (4.900.000.000) |
| - Ủy thác đầu tư - Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng - Kratie | 3.300.000.000 | (3.300.000.000) | 3.300.000.000 | (3.300.000.000) |
| - Công ty Cổ phần Đầu Tư Vĩnh Sơn | 2.100.000.000 | - | 2.100.000.000 | - |
| - Ủy thác đầu tư - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển khu Kinh tế Hải Hà | 1.100.000.000 | (1.100.000.000) | 1.100.000.000 | (1.100.000.000) |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và KCN Sông Đà Miền Trung | 500.000.000 | (500.000.000) | 500.000.000 | (500.000.000) |
| - Công ty Cổ phần khoáng sản SIMCO - FANSIPAN (*) | 1.095.170.000 | - | - | - |
| | 270.124.570.722 | (23.351.368.965) | 140.859.400.722 | (23.120.000.000) |

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(*) Trong kỳ, Công ty thoái toàn bộ 1.600.000 cổ phần (đã nắm giữ từ thời điểm đầu kỳ) của Công ty cổ phần khoáng sản SIMCO - FANSIPAN theo Nghị quyết số 37/SIMCO-HĐQT ngày 27/06/2016 của Hội đồng Quản trị. Số cổ phần của Công ty Cổ phần Khoáng sản SIMCO - FANSIPAN (Sifaco) được nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Simco Sông Đà tại thời điểm 30/06/2016 là 109.517 cổ phần với giá trị góp vốn tương ứng là 1.095.170.000 đồng được chuyển sang từ khoản phải thu về tiền gốc và lãi vay theo các hợp đồng vay của Sifaco với Công ty từ thời điểm đầu năm.

Ngoài ra, Số liệu góp vốn tại thời điểm 30/06/2016 chưa tính đến số tiền chuyển nhượng quyền khai thác mỏ chưa đủ điều kiện ghi nhận là vốn góp đang được Công ty ghi nhận là khoản phải thu khác với số tiền 9.182.195.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác****Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2016 như sau:

| <u>Tên công ty</u> | <u>Nơi thành lập và hoạt động</u> | <u>Tỷ lệ lợi ích</u> | <u>Tỷ lệ biểu quyết</u> | <u>Hoạt động kinh doanh chính</u> |
|---|-----------------------------------|----------------------|-------------------------|---|
| Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar - SIMCO Sông Đà (1) | Quận Kamayut, khu Yangon, Myanmar | 100,00% | 100,00% | Khai thác khoáng sản |
| Công ty Cổ phần Hạ tầng Simco Sông Đà (2) | Hà Nội | 100,00% | 98,00% | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ |

(1) Đây là khoản đầu tư theo giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 335/BKHĐT - ĐTRNN - ĐC2 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 02 tháng 3 năm 2015 cho phép Công ty Cổ phần Simco Sông Đà thành lập Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar - SIMCO Sông Đà tại Myanmar. Tổng vốn đầu tư của dự án tại nước ngoài đồng thời là vốn đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư Việt Nam là 18.147.000 USD, tương đương 381.087.000.000 VND. Trong đó Vốn đầu tư bằng nguồn tự có của nhà đầu tư là 6.000.000 USD tương đương 126 tỷ VND; Vốn đầu tư bằng nguồn vốn vay là 12.147.000 USD tương đương 225.087.000.000 VND. Tại thời điểm 30/06/2016, Công ty đã đầu tư 90.989.400.722 VND, số còn phải đầu tư là 290.097.599.278 VND. Trong đó phần vốn góp của Công ty là 42.582.118.789 VND, phần vốn góp nhận ủy thác đầu tư là 48.407.281.933 VND.

(2) Thành lập Công ty Cổ phần Hạ tầng Simco Sông Đà theo Nghị quyết số 37/SIMCO-HĐQT ngày 27/06/2016, theo đó Công ty Cổ phần Simco Sông Đà góp 98% vốn điều lệ trong 150 tỷ vốn điều lệ của công ty con. Đến thời điểm 30/06/2016, vốn góp thực tế của Công ty Cổ phần Hạ tầng Simco Sông Đà là 128 tỷ và được góp toàn bộ bởi Công ty cổ phần Simco Sông Đà.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2016 như sau:

| <u>Tên công ty</u> | <u>Nơi thành lập và hoạt động</u> | <u>Quyền kiểm soát</u> | <u>Tỷ lệ lợi ích</u> | <u>Tỷ lệ biểu quyết</u> | <u>Hoạt động kinh doanh chính</u> |
|--|-----------------------------------|------------------------|----------------------|-------------------------|---|
| Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà | Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội | 35,00% | 35,58% | 35,58% | Sản xuất, kinh doanh phần mềm tư vấn thiết kế trong lĩnh vực CNTT |
| Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển | Huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội | 42,80% | 42,80% | 42,80% | Sản xuất, kinh doanh các loại rượu |
| Công ty Cổ phần Hawinco Đầu tư xây dựng hạ tầng (*) | Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội | 49,00% | 49,00% | 49,00% | Khai thác thu gom than cứng, than non, dầu, khí đốt tự nhiên, khoáng sản... |

(*) Trong kỳ Công ty đã mua lại 49% cổ phần tại Công ty Cổ phần Hawinco Đầu tư Xây dựng Hạ tầng từ các cổ đông đang sở hữu cổ phần của Công ty này bằng phương thức thương lượng và thỏa thuận theo Nghị quyết số 07/SIMCO-HĐQT ngày 19/03/2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Đầu tư vào đơn vị khác

| Tên công ty nhận đầu tư | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính |
|--|---------------------------------|---------------|------------------|--|
| Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie | Huyện Bù Gia Mập, Bình Phước | 0,825% | (*) | Sản xuất sản phẩm từ cao su |
| Công ty Cổ phần Đầu Tư Vĩnh Sơn | Huyện Quốc Oai, TP. Hà Nội | 1,10% | 1,10% | Sản xuất, truyền tải và phân phối điện |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển khu Kinh tế Hải Hà | Huyện Hải Hà, Tỉnh Quảng Ninh | (*) | (*) | Xây dựng nhà các loại |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và KCN Sông Đà Miền Trung | TP. Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh | 0,54% | 0,54% | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng |
| Công ty Cổ phần khoáng sản SIMCO - FANSIPAN | Thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái | 3,57% | 3,57% | Khai thác và sản xuất các sản phẩm từ đá |

(*) Các khoản góp vốn ủy thác đầu tư qua Tổng Công ty Sông Đà. Các khoản đầu tư đều đã được trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn với tỷ lệ 100%.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | 30/06/2016 | 01/01/2016 |
|--|----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn | | |
| - Công ty Cổ phần Châu Giang | - | 86.405.500.000 |
| - Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà | 358.674.449 | 820.236.443 |
| - Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển | 1.976.354.222 | 1.976.354.222 |
| - Công ty Cổ phần Xuất khẩu May Sông Đà | 310.000.000 | 310.000.000 |
| - Các khoản phải thu khách hàng khác | 377.985.065 | 1.391.633.365 |
| | 3.023.013.736 | 90.903.724.030 |

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | 30/06/2016 | | 01/01/2016 | |
|---|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương | 4.654.242.501 | - | - | - |
| Công ty TNHH Hải Ngọc | - | - | 2.452.351.850 | - |
| Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Mỹ Yên | 1.771.107.700 | - | 1.771.107.700 | - |
| Trả trước cho người bán khác | 1.826.163.344 | - | 2.466.376.744 | - |
| | 8.251.513.545 | - | 6.689.836.294 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

| | <u>30/06/2016</u> | <u>01/01/2016</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| | VND | VND |
| - Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển (VNS) (1) | 5.006.330.196 | 5.006.330.196 |
| - Công ty Cổ phần khoáng sản SIMCO - FANSIPAN | - | 947.833.000 |
| - Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar - SIMCO Sông Đà (2) | 13.895.973.000 | 13.895.973.000 |
| | <u><u>18.902.303.196</u></u> | <u><u>19.850.136.196</u></u> |

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:

- (1) Bao gồm các hợp đồng cho vay có thời hạn từ 03 tháng - 06 tháng, lãi suất 0%/năm.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 01/HĐVV/SIMCO-MYSICO ngày 08/01/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền cho vay tối đa: 20 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: Đầu tư Dự án khai thác và chế biến đá mở marble mỏ Nayputaung, bang Rakhine, Myanmar;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày bên vay nhận được khoản vay đầu tiên;
 - + Lãi suất cho vay: 1%/tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà NộiBáo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**8 . PHẢI THU KHÁC**

| | 30/06/2016 | | 01/01/2016 | |
|--|-----------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | | | | |
| - Phải thu tiền ứng mua quyền khai thác mỏ - Công ty TNHH xây dựng & Thương mại FANSIPAN | 9.182.195.000 | - | 9.182.195.000 | - |
| - Phải thu Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar - SIMCO Sông Đà | 889.431.042 | - | 800.592.099 | - |
| - Công ty Đầu tư và Phát triển Bắc Hà | 550.000.000 | (550.000.000) | 550.000.000 | (550.000.000) |
| - Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay | 1.296.098.279 | - | 1.566.168.033 | - |
| - Tạm ứng | 5.861.975.863 | - | 4.482.968.294 | - |
| - Công ty Cổ phần Hạ tầng SIMCO SÔNG ĐÀ | 10.000.000 | - | - | - |
| - Phải thu khác | 1.302.318.286 | - | 1.406.449.297 | - |
| | 19.092.018.470 | (550.000.000) | 17.988.372.723 | (550.000.000) |
| b) Dài hạn | | | | |
| - Ký cược, ký quỹ | 2.344.222.000 | - | 2.632.098.790 | - |
| | 2.344.222.000 | - | 2.632.098.790 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

9 . NỢ XẤU

| | 30/06/2016 | | 01/01/2016 | |
|---|----------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi | | | | |
| - Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển | 6.982.684.418 | - | 6.982.684.418 | 6.982.684.418 |
| <i>Phải thu cho vay</i> | 5.006.330.196 | - | 5.006.330.196 | 5.006.330.196 |
| <i>Phải thu tiền hàng</i> | 1.976.354.222 | - | 1.976.354.222 | 1.976.354.222 |
| - Công ty Đầu tư và Phát triển Bắc Hà | 550.000.000 | - | 550.000.000 | - |
| - Các khoản khác | 419.648.565 | - | 419.648.565 | - |
| | 7.952.332.983 | - | 7.952.332.983 | 6.982.684.418 |

10 . HÀNG TỒN KHO

| | 30/06/2016 | | 01/01/2016 | |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Nguyên liệu, vật liệu | 61.927.943 | - | 33.299.169 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 10.522.616 | - | 11.522.492 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 10.765.866.631 | - | 5.786.564.717 | - |
| <i>Dự án Hà Tĩnh (*)</i> | 10.109.699.060 | - | 5.700.838.367 | - |
| <i>Hoạt động khác</i> | 656.167.571 | - | 85.726.350 | - |
| | 10.838.317.190 | - | 5.831.386.378 | - |

(*) Dự án Hà Tĩnh là Dự án đường bao phía Tây và kết cấu hạ tầng kỹ thuật đô thị hai bên đường bao phía Tây, Hà Tĩnh do Công ty Cổ phần Simco Sông Đà ký hợp đồng đầu tư với UBND thị xã Hà Tĩnh (nay là UBND thành phố Hà Tĩnh).

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**11 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN****a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn**

| | 30/06/2016 | | 01/01/2016 | |
|---------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| | VND | VND | VND | VND |
| Dự án tòa nhà Simco Tower | 75.902.112.441 | 75.902.112.441 | 75.902.112.441 | 75.902.112.441 |
| | 75.902.112.441 | 75.902.112.441 | 75.902.112.441 | 75.902.112.441 |

Ghi chú:

Dự án tòa nhà Simco Tower được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt chủ trương triển khai tại khu nhà hỗn hợp HH - Khu đô thị mới Cầu Bươu - Thanh Trì - Hà Nội có tổng mức vốn đầu tư là 351,78 tỷ căn cứ quyết định số 278 ngày 08/02/2011 với phương án thi công 12 tầng cao và 01 tầng hầm và có kết cấu móng nhà được tính cho công trình 21 tầng. Tại thời điểm 30/06/2015, giá trị dở dang là chi phí mua đất và các chi phí liên quan đến việc mua đất. Ngày 08/07/2015, Hội đồng quản trị Công ty ban hành quyết định số 146/SIMCO-HĐQT chấp thuận phương án triển khai dự án giai đoạn 1 có tổng chi phí tư vấn về việc điều chỉnh quy hoạch (dự kiến) là 1,5 tỷ đồng.

b) Xây dựng cơ bản dở dang

| | 30/06/2016 | 01/01/2016 |
|--|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| - Dự án Đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Phụng Hiệp | 2.309.020.651 | 2.309.020.651 |
| | 2.309.020.651 | 2.309.020.651 |

Dự án Đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Phụng Hiệp có tổng mức đầu tư dự kiến là 3.088,2 tỷ đồng và được thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong vòng 24 tháng kể từ Quý III/2018 đến Quý III/2020. Việc thi công xây dựng dự án sẽ được thực hiện sau khi Công ty làm việc với UBND Thành phố Hà Nội, Sở quy hoạch Kiến trúc Hà Nội, Viện Quy hoạch Hà Nội về việc cập nhật quy hoạch vùng và quy hoạch chung của huyện Thường Tín để điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500 Khu công nghiệp và đền bù, hỗ trợ, di dời giải phóng mặt bằng...

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | Cộng |
|-------------------------------|------------------------|----------------------|---------------------------------|---------------------------|----------------------|-----------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 56.289.798.605 | 1.459.885.727 | 2.727.332.865 | 223.738.551 | 305.826.000 | 61.006.581.748 |
| - Mua trong kỳ | - | - | 1.057.323.636 | - | - | 1.057.323.636 |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | - | (1.868.551.229) | - | - | (1.868.551.229) |
| Số dư cuối kỳ | 56.289.798.605 | 1.459.885.727 | 1.916.105.272 | 223.738.551 | 305.826.000 | 60.195.354.155 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 14.378.836.955 | 1.413.626.375 | 2.319.583.337 | 223.738.551 | 156.098.712 | 18.491.883.930 |
| - Khấu hao trong kỳ | 877.743.164 | 10.787.808 | 67.336.179 | - | 19.114.128 | 974.981.279 |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | - | (1.868.551.229) | - | - | (1.868.551.229) |
| Số dư cuối kỳ | 15.256.580.119 | 1.424.414.183 | 518.368.287 | 223.738.551 | 175.212.840 | 17.598.313.980 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Tại ngày đầu năm | 41.910.961.650 | 46.259.352 | 407.749.528 | - | 149.727.288 | 42.514.697.818 |
| Tại ngày cuối kỳ | 41.033.218.486 | 35.471.544 | 1.397.736.985 | - | 130.613.160 | 42.597.040.175 |

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.522.506.831 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty tại 30/06/2016 là Phần mềm máy tính có nguyên giá: 152.500.000 VND và Tài sản cố định vô hình khác với nguyên giá: 91.660.000 VND. Toàn bộ tài sản này đã hết khấu hao từ trước ngày 01/01/2016.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | 30/06/2016 | 01/01/2016 |
|--|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | | |
| Công cụ dụng cụ xuất dùng | 47.440.344 | 88.009.550 |
| Chi phí sửa chữa | - | 32.689.585 |
| Chi phí thuê nhà | - | 90.670.000 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 20.799.499 | 486.700 |
| | 68.239.843 | 211.855.835 |
| b) Dài hạn | | |
| Chi phí sửa chữa | 48.250.670 | 57.167.087 |
| Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn | 190.560.172 | 120.692.267 |
| | 238.810.842 | 177.859.354 |

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | 30/06/2016 | | 01/01/2016 | |
|---|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả | Giá trị | Số có khả năng trả |
| | VND | nợ VND | VND | nợ VND |
| Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn | | | | |
| Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Hợp Lực | 1.724.640.028 | 1.724.640.028 | 1.724.640.028 | 1.724.640.028 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng nhà ở Hải Phòng | 1.286.324.216 | 1.286.324.216 | 1.286.324.216 | 1.286.324.216 |
| Công ty TNHH Hải Ngọc | 1.112.167.150 | 1.112.167.150 | - | - |
| Phải trả các đối tượng khác | 2.891.496.903 | 2.891.496.903 | 2.440.537.424 | 2.440.537.424 |
| | 7.014.628.297 | 7.014.628.297 | 5.451.501.668 | 5.451.501.668 |

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

| | 30/06/2016 | 01/01/2016 |
|--|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Cục Quản lý lao động ngoài nước | 334.500.000 | 334.500.000 |
| Nhận ứng trước tiền khối lượng thi công xây lắp của UBND thành phố Hà Tĩnh | 939.051.086 | 939.051.086 |
| | 1.273.551.086 | 1.273.551.086 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | Số phải thu đầu năm | Số phải nộp đầu năm | Số phải nộp trong kỳ | Số đã thực nộp trong kỳ | Số phải thu cuối kỳ | Số phải nộp cuối kỳ |
|-----------------------------|---------------------|----------------------|----------------------|-------------------------|---------------------|-----------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Thuế Giá trị gia tăng | - | 71.826.827 | 124.196.096 | 125.908.828 | - | 70.114.095 |
| Thuế Thu nhập doanh nghiệp | - | 2.264.868.915 | 9.759.827.581 | 2.248.755.493 | - | 9.775.941.003 |
| Thuế Thu nhập cá nhân | - | 33.840.000 | 38.105.585 | 71.945.585 | - | - |
| Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất | - | 368.374.430 | 2.250.423 | 134.151.271 | - | 236.473.582 |
| Các loại thuế khác | - | - | 5.000.000 | 5.000.000 | - | - |
| | - | 2.738.910.172 | 9.929.379.685 | 2.585.761.177 | - | 10.082.528.680 |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | 30/06/2016 | 01/01/2016 |
|--|--------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| - Chi phí lãi vay | - | 128.333.333 |
| - Chi phí dự án Vạn Phúc | 156.511.258 | 160.450.331 |
| <i>Chi phí thẩm tra quyết toán Vốn đầu tư</i> | <i>124.348.434</i> | <i>124.348.434</i> |
| <i>Thiết kế bản vẽ thi công đường dây & trạm biến áp</i> | <i>32.162.824</i> | <i>32.162.824</i> |
| <i>Dự phòng phí Dự án Vạn Phúc</i> | - | 3.939.073 |
| - Thù lao HĐQT | 118.800.000 | 492.523.000 |
| - Chi phí xuất khẩu lao động | - | 465.962.735 |
| - Chi phí phải trả khác | 54.250.000 | 211.790.000 |
| | 329.561.258 | 1.459.059.399 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

19 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

| | 30/06/2016 | 01/01/2016 |
|---|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| - Phí dịch vụ đào tạo | 114.273.816 | 97.943.816 |
| - Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác | - | 131.696.578 |
| | 114.273.816 | 229.640.394 |

20 . PHẢI TRẢ KHÁC

| | 30/06/2016 | 01/01/2016 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | | |
| - Kinh phí công đoàn | 314.937.880 | 420.309.620 |
| - Bảo hiểm xã hội | 151.311.600 | 216.089.290 |
| - Bảo hiểm y tế | 47.306.362 | 37.359.937 |
| - Bảo hiểm thất nghiệp | 45.978.543 | 16.716.902 |
| - Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 10.455.000 | 10.455.000 |
| - Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 17.034.235.140 | 17.034.235.140 |
| - Phải trả lãi vay | - | 157.527.184 |
| - Tiền nhận đặt cọc hoàn thiện nhà dự án Vạn Phúc | 705.000.000 | 740.000.000 |
| - Phải trả hoạt động xuất khẩu lao động | 9.339.379.004 | 9.572.463.908 |
| - Quỹ hỗ trợ xuất khẩu lao động | 180.348.823 | 120.492.708 |
| - Quỹ tự nguyện CBCNV | 18.708.551 | 32.017.401 |
| - Phải trả CTCP Chứng khoán IB - Gốc vay margin, phí lưu ký | - | 7.442.852.795 |
| - Khoản phải trả - Trường CDN Simco Sông Đà | 123.440.000 | 528.000.000 |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác | 716.233.397 | 1.234.442.784 |
| | 28.687.334.300 | 37.562.962.669 |
| b) Dài hạn | | |
| - Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | 1.760.486.836 | 1.937.003.531 |
| - Phải trả tiền nhận góp vốn ủy thác đầu tư | 54.157.281.933 | 54.157.281.933 |
| <i>Nhận ủy thác đầu tư vào Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển</i> | 5.750.000.000 | 5.750.000.000 |
| <i>Nhận ủy thác đầu tư vào Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar - SIMCO Sông Đà</i> | 48.407.281.933 | 48.407.281.933 |
| | 55.917.768.769 | 56.094.285.464 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

21 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

| | 01/01/2016 | | Trong kỳ | | 30/06/2016 | |
|--|------------------------|------------------------|----------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Vay ngắn hạn | 123.800.058.000 | 123.800.058.000 | 2.844.838.500 | 123.557.058.000 | 3.087.838.500 | 3.087.838.500 |
| - Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển - Chi nhánh Hà Tây (1) | 2.507.058.000 | 2.507.058.000 | 2.244.838.500 | 2.507.058.000 | 2.244.838.500 | 2.244.838.500 |
| - Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 120.000.000.000 | 120.000.000.000 | - | 120.000.000.000 | - | - |
| - Vay ngắn hạn cá nhân (2) | 1.293.000.000 | 1.293.000.000 | 600.000.000 | 1.050.000.000 | 843.000.000 | 843.000.000 |
| Nợ dài hạn đến hạn trả | 7.858.812.000 | 7.858.812.000 | 71.308.400 | 5.374.381.200 | 2.555.739.200 | 2.555.739.200 |
| | 131.658.870.000 | 131.658.870.000 | 2.916.146.900 | 128.931.439.200 | 5.643.577.700 | 5.643.577.700 |
| b) Vay dài hạn | | | | | | |
| - Vay dài hạn cá nhân | 9.830.188.200 | 9.830.188.200 | 71.308.400 | 5.442.533.800 | 4.458.962.800 | 4.458.962.800 |
| | 9.830.188.200 | 9.830.188.200 | 71.308.400 | 5.442.533.800 | 4.458.962.800 | 4.458.962.800 |
| Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng | (7.858.812.000) | (7.858.812.000) | (71.308.400) | (5.374.381.200) | (2.555.739.200) | (2.555.739.200) |
| Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng | 1.971.376.200 | 1.971.376.200 | | | 1.903.223.600 | 1.903.223.600 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Hợp đồng tín dụng số số 01/2015/178138/HĐTD ngày 16 tháng 06 năm 2015, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 3 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30/06/2016;
- + Lãi suất cho vay: được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: được đảm bảo bằng bất kỳ biện pháp bảo đảm sau: thế chấp, cầm cố tài sản, bảo lãnh của bên thứ ba, toàn bộ số dư tiền gửi ngân hàng của bên vay tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác.

(2) Bao gồm 02 hợp đồng vay ngắn hạn cá nhân có kỳ hạn 06 tháng đến 01 năm với lãi suất 0% - 4%/ năm.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Bao gồm các khoản vay dài hạn các cá nhân theo Hợp đồng nhận tiền gửi có kỳ hạn 36 tháng với lãi suất bằng huy động tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại thời điểm gửi. Tiền lãi được trả 6 tháng một lần vào ngày cuối cùng của tháng thứ 6. Khi đến hạn trả lãi, sau 7 ngày làm việc kể từ ngày cuối cùng của tháng thứ 6 bên cho vay không đến nhận lãi thì Công ty sẽ nhập lãi vào gốc để tính cho kỳ hạn tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận chưa phân phối | Cộng |
|---------------------|---------------------------|--------------|-----------------------|--------------------------|-----------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| Số dư đầu năm trước | 131.034.260.000 | (1.682.000) | 44.904.163.807 | 2.790.728.667 | 178.727.470.474 |
| Lãi trong kỳ trước | - | - | - | 5.874.383.153 | 5.874.383.153 |
| Số dư cuối kỳ trước | 131.034.260.000 | (1.682.000) | 44.904.163.807 | 8.665.111.820 | 184.601.853.627 |
| Số dư đầu năm nay | 262.061.580.000 | (1.682.000) | 1.231.903.807 | 15.170.444.896 | 278.462.246.703 |
| Lãi trong kỳ này | - | - | - | 38.971.745.504 | 38.971.745.504 |
| Số dư cuối kỳ này | 262.061.580.000 | (1.682.000) | 1.231.903.807 | 54.142.190.400 | 317.433.992.207 |

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | Cuối kỳ | Tỷ lệ | Đầu kỳ | Tỷ lệ |
|--------------------|-----------------|---------|-----------------|---------|
| | VND | (%) | VND | (%) |
| Ông Nguyễn Sĩ Hiền | 22.000.000.000 | 8,395% | - | 0,000% |
| Các cổ đông khác | 240.059.900.000 | 91,604% | 262.059.900.000 | 99,999% |
| Cổ phiếu quỹ | 1.680.000 | 0,001% | 1.680.000 | 0,001% |
| | 262.061.580.000 | 100% | 262.061.580.000 | 100% |



CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

| | | |
|---|-------------------------|-------------------------|
| c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận | | |
| | 6 tháng đầu năm 2016 | 6 tháng đầu năm 2015 |
| | VND | VND |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 262.061.580.000 | 131.034.260.000 |
| - Vốn góp đầu kỳ | 262.061.580.000 | 131.034.260.000 |
| - Vốn góp cuối kỳ | 262.061.580.000 | 131.034.260.000 |
| d) Cổ phiếu | <u>30/06/2016</u> | <u>01/01/2016</u> |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 26.206.158 | 26.206.158 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 26.206.158 | 26.206.158 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 26.206.158 | 26.206.158 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) | 168 | 168 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 168 | 168 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 26.205.990 | 26.205.990 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 26.205.990 | 26.205.990 |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND) | 10.000 | 10.000 |
| e) Các quỹ công ty | <u>30/06/2016</u> | <u>01/01/2016</u> |
| | VND | VND |
| Quỹ đầu tư phát triển | 1.231.903.807 | 1.231.903.807 |
| | <u>1.231.903.807</u> | <u>1.231.903.807</u> |
| 23 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | | |
| a) Ngoại tệ các loại | <u>30/06/2016</u> | <u>01/01/2016</u> |
| - Đồng đô la Mỹ (USD) | 4.031,97 | 2.489,27 |
| - Đồng Yên Nhật (JPY) | 1.352.815,00 | 1.794.501,00 |
| - Đồng Kyat (Myanmar) | 645.200,00 | 1.110.800,00 |
| b) Nợ khó đòi đã xử lý | <u>30/06/2016</u> | <u>01/01/2016</u> |
| | VND | VND |
| | 3.294.820.388 | 3.294.820.388 |
| 24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ | 6 tháng đầu năm 2016 | 6 tháng đầu năm 2015 |
| | VND | VND |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 16.780.077.390 | 32.538.415.518 |
| - Dịch vụ xuất khẩu lao động | 13.777.311.870 | 29.804.708.909 |
| - Dịch vụ khác | 3.002.765.520 | 2.733.706.609 |
| Doanh thu hợp đồng xây dựng | - | 3.658.758.382 |
| | <u>16.780.077.390</u> | <u>36.197.173.900</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

25 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

| | 6 tháng đầu năm 2016 | 6 tháng đầu năm 2015 |
|---------------------|-------------------------|-------------------------|
| | VND | VND |
| Hàng bán bị trả lại | 321.068.200 | 288.523.700 |
| | 321.068.200 | 288.523.700 |

26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | 6 tháng đầu năm 2016 | 6 tháng đầu năm 2015 |
|---------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| | VND | VND |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 8.263.277.104 | 16.152.730.316 |
| - Dịch vụ xuất khẩu lao động | 6.584.823.711 | 14.646.280.697 |
| - Dịch vụ khác | 1.678.453.393 | 1.506.449.619 |
| Giá vốn của hợp đồng xây dựng | - | 3.531.139.937 |
| | 8.263.277.104 | 19.683.870.253 |

27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | 6 tháng đầu năm 2016 | 6 tháng đầu năm 2015 |
|---|-------------------------|-------------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi, lãi cho vay | 1.958.007.230 | 881.595.712 |
| Lãi bán các khoản đầu tư | 49.762.290.000 | - |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | - | 780.000.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ | 8.252.100 | - |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ | - | 44.411.536 |
| | 51.728.549.330 | 1.706.007.248 |

28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | 6 tháng đầu năm 2016 | 6 tháng đầu năm 2015 |
|---|-------------------------|-------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí lãi vay | 2.380.980.895 | 1.444.474.915 |
| Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính | 420.480.000 | 303.824.307 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ | 463.600 | 954.886 |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư | 2.858.965 | 2.676.737.866 |
| Chi phí tài chính khác | 31.561.412 | - |
| | 2.836.344.872 | 4.425.991.974 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | 6 tháng đầu năm 2016 | 6 tháng đầu năm 2015 |
|-------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 100.781.753 | 682.563.280 |
| Chi phí nhân công | 4.068.118.214 | 2.599.072.497 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 191.895.074 | 176.906.346 |
| Thuế, phí, lệ phí | 5.000.000 | 155.110.991 |
| Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng | 4.726.330.196 | 1.142.906.267 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 287.427.438 | 496.906.357 |
| Chi phí khác bằng tiền | 1.140.752.320 | 779.211.407 |
| | 10.520.304.995 | 6.032.677.145 |

30 . THU NHẬP KHÁC

| | 6 tháng đầu năm 2016 | 6 tháng đầu năm 2015 |
|--|-------------------------|-------------------------|
| | VND | VND |
| Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định | 327.272.727 | - |
| Thu từ phạt vi phạm lao động xuất cảnh | - | 1.556.954 |
| Phạt vi phạm hợp đồng | 1.900.500.000 | - |
| Các khoản nợ không xác định được chủ | - | 33.200.000 |
| Thu nhập khác | 3.733.636 | 23.261.636 |
| | 2.231.506.363 | 58.018.590 |

31 . CHI PHÍ KHÁC

| | 6 tháng đầu năm 2016 | 6 tháng đầu năm 2015 |
|--|-------------------------|-------------------------|
| | VND | VND |
| Các khoản bị phạt | 67.564.827 | - |
| Chi phí đầu tư dự án đã dừng hoạt động | - | 44.913.091 |
| Thuế TNDN bị truy thu theo Biên bản thanh tra thuế | - | 352.953.507 |
| Chi phí khác | - | 10.000.000 |
| | 67.564.827 | 407.866.598 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | 6 tháng đầu năm 2016 | 6 tháng đầu năm 2015 |
|---|-------------------------|-------------------------|
| | VND | VND |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 48.731.573.085 | 7.122.270.068 |
| Các khoản điều chỉnh tăng | 67.564.827 | 3.102.705.799 |
| - Chi phí không hợp lệ | 67.564.827 | - |
| - Giá vốn của hoạt động xuất khẩu lao động đã tính vào kết quả kinh doanh năm 2014 theo Biên bản thanh tra thuế | - | 3.102.705.799 |
| Các khoản điều chỉnh giảm | - | (4.552.762.619) |
| - Cổ tức, lợi nhuận được chia | - | (780.000.000) |
| - Doanh thu của hoạt động xuất khẩu lao động đã tính vào kết quả kinh doanh năm 2014 theo Biên bản thanh tra thuế | - | (3.772.762.619) |
| Thu nhập tính thuế TNDN | 48.799.137.912 | 5.672.213.248 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 22% |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 9.759.827.581 | 1.247.886.915 |
| Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này | - | 352.953.507 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ | 2.264.868.915 | 602.687.988 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ | (2.248.755.493) | (27.705.930) |
| Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ | 9.775.941.003 | 2.175.822.480 |

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | 6 tháng đầu năm 2016 | 6 tháng đầu năm 2015 |
|---|-------------------------|-------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 697.347.932 | 1.393.384.214 |
| Chi phí nhân công | 8.562.303.016 | 8.218.860.563 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 974.981.279 | 992.760.924 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 7.953.362.195 | 4.678.386.471 |
| Chi phí khác bằng tiền | 1.301.607.577 | 2.099.968.176 |
| Tổng chi phí sản xuất kinh doanh | 19.489.601.999 | 17.383.360.348 |

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

| | Giá trị số kế toán | | | |
|------------------------------------|-----------------------|-------------------------|------------------------|------------------------|
| | 30/06/2016 | | 01/01/2016 | |
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 3.714.515.533 | - | 122.024.638.757 | - |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 24.459.254.206 | (2.946.002.787) | 111.524.195.543 | (2.946.002.787) |
| Các khoản cho vay | 19.252.303.196 | (5.006.330.196) | 19.850.136.196 | (280.000.000) |
| Đầu tư ngắn hạn | 4.200.000.000 | (1.410.000.000) | 18.939.370.000 | (1.638.510.000) |
| Đầu tư dài hạn | 8.095.170.000 | (4.900.000.000) | 7.000.000.000 | (4.900.000.000) |
| Tổng tài sản tài chính | 59.721.242.935 | (14.262.332.983) | 279.338.340.496 | (9.764.512.787) |

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

| | Giá trị số kế toán | |
|-----------------------------------|-----------------------|------------------------|
| | 30/06/2016 | 01/01/2016 |
| | VND | VND |
| Nợ phải trả tài chính | | |
| Vay và nợ | 7.546.801.300 | 133.630.246.200 |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 91.619.731.366 | 99.108.749.801 |
| Chi phí phải trả | 329.561.258 | 1.459.059.399 |
| | 99.496.093.924 | 234.198.055.400 |

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CHỖ
C
TRÁCH
NĂNG
A
DANKH

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------|-------------------------|------------|------------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Tại ngày 30/06/2016 | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 3.714.515.533 | - | - | 3.714.515.533 |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 19.169.029.419 | 2.344.222.000 | - | 21.513.251.419 |
| Các khoản cho vay | 14.245.973.000 | - | - | 14.245.973.000 |
| Đầu tư ngắn hạn | 2.790.000.000 | - | - | 2.790.000.000 |
| Đầu tư dài hạn | - | 3.195.170.000 | - | 3.195.170.000 |
| | 39.919.517.952 | 5.539.392.000 | - | 45.458.909.952 |
| Tại ngày 01/01/2016 | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 122.024.638.757 | - | - | 122.024.638.757 |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 105.946.093.966 | 2.632.098.790 | - | 108.578.192.756 |
| Các khoản cho vay | 19.570.136.196 | - | - | 19.570.136.196 |
| Đầu tư ngắn hạn | 17.300.860.000 | - | - | 17.300.860.000 |
| Đầu tư dài hạn | - | 2.100.000.000 | - | 2.100.000.000 |
| | 264.841.728.919 | 4.732.098.790 | - | 269.573.827.709 |

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|--------------------------------------|------------------------|-------------------------|------------|------------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Tại ngày 30/06/2016 | | | | |
| Vay và nợ | 5.643.577.700 | 1.903.223.600 | - | 7.546.801.300 |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 35.701.962.597 | 55.917.768.769 | - | 91.619.731.366 |
| Chi phí phải trả | 329.561.258 | - | - | 329.561.258 |
| | 41.675.101.555 | 57.820.992.369 | - | 99.496.093.924 |
| Tại ngày 01/01/2016 | | | | |
| Vay và nợ | 131.658.870.000 | 1.971.376.200 | - | 133.630.246.200 |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 43.014.464.337 | 56.094.285.464 | - | 99.108.749.801 |
| Chi phí phải trả | 1.459.059.399 | - | - | 1.459.059.399 |
| | 176.132.393.736 | 58.065.661.664 | - | 234.198.055.400 |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

1105
CÔNG TY
HỮU HẠN
SC
TP. HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà NộiBáo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong kỳ là cung cấp dịch vụ liên quan đến xuất khẩu lao động và dịch vụ khác diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN


Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:


| | 6 tháng đầu năm 2016 | 6 tháng đầu năm 2015 |
|---|-------------------------|-------------------------|
| | VND | VND |
| Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị | 1.183.895.900 | 437.699.300 |


38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

Công ty thực hiện thay đổi phương pháp lập Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ trên báo cáo riêng để nhất quán với báo cáo hợp nhất theo hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014. Do đó, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 đã được Công ty lập lại theo phương pháp gián tiếp để so sánh với số liệu kỳ này.


Phạm Thị Đà Giang
Người lập


Phạm Thị Hiếu
Kế toán trưởng


Nguyễn Ngọc Quyền
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2016

